

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN
PHONG THỔ TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Bản án số: 19/2017/HSST
Ngày 24 tháng 11 năm 2017*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỔ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Triệu Trung Tá.
- Các Hội thẩm nhân dân:
 1. Ông Lò Văn Chiên;
 2. Bà Trần Thị Mùi.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Thiều Quang Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tham gia phiên toà:
Ông: Đồng Xuân Tím. - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 15/2017/HSST ngày 30 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lý Xuân D (tên gọi khác: Không), sinh ngày 17 tháng 11 năm 1999 tại huyện P, tỉnh Lai Châu; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: bản L, xã H, huyện P, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; con ông Lý A T đã chết và bà Tần Xa N, sinh năm 1971; Bị cáo có vợ là Tần Thị P sinh năm 2000 và có 01 con; tiền sự, tiền án: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/9/2017 đến nay.

* Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1983.

Nơi công tác: Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện P, tỉnh Lai Châu. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo: Bà Tần Xa N, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Bản L, xã H, huyện P, tỉnh Lai Châu. Có mặt.

* Người bị hại:

Anh Tần Văn Đ, sinh năm 1971. Trú tại bản T, xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu. Có mặt.

NHẬN THẤY

1. Theo cáo trạng số: 68/KSĐT - SH, ngày 30 tháng 10 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ thì bị cáo Lý Xuân D bị truy tố về hành vi như sau:

Ngày 27/7/2017 Lý Xuân D sinh năm 1999 trú tại bản L, xã H, huyện P tỉnh Lai Châu cùng vợ (chưa có đăng ký kết hôn) là Tần Thị P sinh năm 2000 và con trai cùng nhau đi xe lên nhà bố mẹ vợ là anh Tần Văn Đ, sinh năm 1971 trú tại bản T, xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu chơi, trông con và nấu cơm cho gia đình, khoảng 14 giờ ngày 29/07/2017 bố mẹ vợ đi làm nương còn D và vợ ở nhà, một lúc sau thì vợ Dương sang nhà hàng xóm chơi trong bản còn Dương ở nhà trông con. Trong khi không có ai ở nhà, biết trong gia đình bố mẹ vợ có 01 chiếc két sắt có nhiều tiền được đặt ở vị trí gần cửa ra vào phòng ngủ của bố mẹ vợ nên Dương đã nảy sinh ý định trộm cắp tiền trong két sắt để tiêu sài cá nhân. Sau khi nảy sinh ý định trộm cắp, D đi ra bàn uống nước tại phòng khách lấy trong ngăn bàn 02 chiếc đục bằng sắt chuyên dùng để đục gỗ (trong đó 01 chiếc đục bằng sắt có cán gỗ dài 07 cm có đường kính 2,5 cm, phần kim loại dài 18,5 cm, chỗ rộng nhất 1,5 cm, 01 chiếc đục làm bằng thép xoắn phi 14 dài 22 cm đường kính 01 cm một đầu nhọn). D cho một đầu của chiếc đục vào khe hở giữa cánh cửa của chiếc két sắt và thành két rồi bẩy mạnh, khi bẩy cánh cửa chiếc két sắt, cánh cửa két sắt bật và hở ra khoảng 1,5 cm, D lấy đèn pin bằng nhựa màu đen để ở trên mặt bàn uống nước để soi xem có tiền trong két sắt qua khe hở hay không, sau khi soi D thấy bên trong két có tấm vải đỏ và 01 túi nilon màu trắng bên trong có đựng tiền. Thấy vậy, D liền đi ra chỗ bàn uống nước lấy ra một thanh kim loại màu trắng dài 34 cm, đường kính 0,2 mm, dùng tay uốn cong một đầu thanh kim loại rồi đưa phần đầu đã uốn cong cho vào bên trong két sắt móc vào túi nilon màu trắng đựng tiền rồi kéo qua khe hở mà mình đã cạy. Khi kéo được túi nilon đựng tiền ra ngoài D thấy trong túi nilon có tiền Ngân hàng nhà nước Việt nam có các mệnh giá khác nhau, ngoài ra còn có một túi nilon khác để bên trong túi nilon mà mình vừa kéo ra bên trong có tiền Nhân dân tệ. Khi thấy có tiền D không đếm xem có bao nhiêu tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam, bao nhiêu tiền Nhân dân tệ mà lấy toàn bộ hai loại tiền đó cất vào túi quần mặc trên người, cất xong D lấy tay đẩy cửa két vào cho khít như ban đầu, đem các đồ dùng để cạy két và đèn pin để vào chỗ cũ, hai túi nilon đựng tiền D đem đốt cháy để tránh bị phát hiện. Sau khi trộm cắp được tiền và cất dọn các dụng cụ xong, D đi tìm vợ về để trông nhà, còn D điều khiển xe máy wave RSX, màu xanh BKS 25H1 – 002.74 của gia đình vợ đi về nhà ở bản L, xã H, khi về đến nhà D vào nhà lấy tiền ra đếm được gồm có 2.600.000 đồng (tiền ngân hàng nhà nước Việt nam) và 2.300 NDT (nhân dân tệ) đếm xong tiền D cất số tiền trên vào túi quần. Đến khoảng 15 giờ ngày 30/7/2017, D điều khiển xe máy đi đến một quán tạp hóa ở chợ M, huyện P (Dương không biết họ tên địa chỉ cụ thể của chủ quán) để đổi số tiền 2.300 NDT, tại đây D đổi từ 2.300 NDT được 7.613.000 VNĐ. Sau khi đổi xong D cất tiền vào trong ví rồi đi lên bản T, xã B để đón vợ về nhà ở bản L, xã H. Sau khi trộm cắp được tiền D đã tiêu sài một ít,

số còn lại là 5.200.000 đồng D để vào cốp xe máy wave RSX BKS 25H1 – 002.74. Sau khi bị mất tiền anh Đ đã trình báo công an, cơ quan điều tra đã xác định D là đối tượng cạy kết trộm cắp tiền, tại cơ quan điều tra D đã khai nhận hành vi phạm tội và khai nhận có 5.200.000 đồng để trong cốp xe máy, cơ quan công an đã kiểm tra và thu giữ số tiền trên. Tổng số tiền mà D trộm cắp là 10.235.816 đồng.

2. Bị cáo tại phiên tòa thừa nhận hành vi của mình như nội dung cáo trạng đã nêu. Người bào chữa đưa ra các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như là người dân tộc thiểu số, phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, tuổi đời còn trẻ khi phạm tội, đề nghị tòa án giảm nhẹ trách nhiệm cho bị cáo.

Người bị hại không có yêu cầu gì về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự người bị hại đề nghị được nhận lại số tiền 5.200.000 đồng, yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 5.035.000 đồng và 1.000.000 đồng tiền sửa kết sắt bị hỏng. Bị cáo nhất trí với yêu cầu của người bị hại.

3. Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như cáo trạng và đề nghị hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1, khoản 5 Điều 138; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS, điều 74 BLHS đối với bị cáo Lý Xuân D. Tuyên bố bị cáo phạm tội Trộm cắp tài sản và đề nghị xử phạt bị cáo từ 6 tháng đến 9 tháng tù.

Xử lý vật chứng: Chấp nhận các biên bản về việc trả lại tài sản lập hồi 16 giờ 00 phút ngày 15/9/2017 giữa Công an huyện Phong Thổ với bà Tần Xa N

Trả lại cho ông Tần Văn Đ: 01 chiếc đục, cán bằng gỗ dài 7 cm có đường kính 2,5 cm, phần kim loại dài 18,5 cm, chỗ rộng nhất 1,5 cm; 01 thanh kim loại dài 22 cm, có đường kính 01 cm, một đầu nhọn; 01 thanh kim loại màu trắng dài 34 cm, đường kính 0,2 mm; 01 chiếc đèn pin màu đen loại đeo đầu do Trung Quốc sản xuất; Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 5.200.000 VNĐ trong đó 06 tờ mệnh giá 500.000 VNĐ, 09 tờ mệnh giá 200.000, 04 tờ mệnh giá 100.000 VNĐ. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị hại và bị cáo.

Bị cáo, người bị hại không có ý kiến gì tranh luận

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của bị cáo, người bị hại và ý kiến của kiểm sát viên.

XÉT THẤY

1. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay có đủ cơ sở để khẳng định: Vì mục đích muốn có tiền tiêu sài nên vào khoảng 14 giờ ngày 29/7/2017 lợi dụng lúc gia đình bố vợ bị cáo Lý Xuân D là ông Tần Văn Đ không có ai ở nhà bị cáo đã dùng 02 chiếc đục sắt để cạy cửa kết sắt của gia đình ông Đ sau đó dùng thanh kim loại để móc 01 túi nilon bên trong có 2.600.000 đồng và 2.300 NDT với tổng trị giá thành tiền Việt Nam là 10.235.816 đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân

về tài sản, gây mất trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

Như vậy hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận bị cáo đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS.

Chính vì vậy quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về vụ án và cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản như trên là đúng người, đúng tội không oan sai.

2. Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo: Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo sống ở vùng sâu vùng xa đây là các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo quy định tại các điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi do đó cần áp dụng thêm các quy định đối với người chưa đủ 18 tuổi. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

3. Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung (phạt tiền) cho bị cáo theo khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự.

4. Về trách nhiệm dân sự của bị cáo: Ghi nhận sự thỏa thuận của người bị hại và bị cáo: Bị cáo phải trả lại số tiền 5.035.000 đồng và 1.000.000 đồng tiền sửa kết sắt bị hỏng tổng cộng là 6.035.000 đồng.

5. Về vật chứng của vụ án:

Chấp nhận các biên bản về việc trả lại tài sản lập hồi 16 giờ 00 phút ngày 15/9/2017 giữa Công an huyện Phong Thổ với bà Tần Xa N.

Trả lại cho ông Tần Văn Đ: 01 chiếc đục, cán bằng gỗ dài 7 cm có đường kính 2,5 cm, phần kim loại dài 18,5 cm, chỗ rộng nhất 1,5 cm; 01 thanh kim loại dài 22 cm, có đường kính 01 cm, một đầu nhọn; 01 thanh kim loại màu trắng dài 34 cm, đường kính 0,2 mm; 01 chiếc đèn pin màu đen loại đeo đầu do Trung Quốc sản xuất; Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 5.200.000 VNĐ trong đó 06 tờ mệnh giá 500.000 VNĐ, 09 tờ mệnh giá 200.000, 04 tờ mệnh giá 100.000 VNĐ.

Theo quy định tại Điều 41 BLHS và Điều 76 BLTTHS.

6. Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Lý Xuân D phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 69, Điều 74 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lý Xuân D 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự của bị cáo: Ghi nhận sự thỏa thuận của người bị hại và bị cáo: Bị cáo phải trả lại số tiền 5.035.000 đồng và 1.000.000 đồng tiền sửa kết sắt bị hỏng tổng cộng là 6.035.000 đồng cho người bị hại là ông Tần Văn Đ.

Kể từ ngày người bị hại có đơn yêu cầu bị cáo chậm trả thì phải chịu lãi suất với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 26 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 41 BLHS và Điều 76 BLTTHS.

Chấp nhận các biên bản về việc trả lại tài sản lập hồi 16 giờ 00 phút ngày 15/9/2017 giữa Công an huyện Phong Thổ với bà Tần Xa N.

Trả lại cho ông Tần Văn Đ: 01 chiếc đục, cán bằng gỗ dài 7 cm có đường kính 2,5 cm, phần kim loại dài 18,5 cm, chỗ rộng nhất 1,5 cm; 01 thanh kim loại dài 22 cm, có đường kính 01 cm, một đầu nhọn; 01 thanh kim loại màu trắng dài 34 cm, đường kính 0,2 mm; 01 chiếc đèn pin màu đen loại đeo đầu do Trung Quốc sản xuất; Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 5.200.000 VNĐ trong đó 06 tờ mệnh giá 500.000 VNĐ, 09 tờ mệnh giá 200.000, 04 tờ mệnh giá 100.000 VNĐ.

4. Về án phí: Áp dụng điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- CA huyện;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Sở tư pháp;
- Lưu HSVA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Triệu Trung Tá